

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SƠN TÂY, TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05** /2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Ngọc Hà;

Ông Đinh Quang Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - DS ng năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1);

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị; (*Vắng mặt*)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc Trung tâm T1 (*Vắng mặt*);

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Vũ Đăng K – Nhân viên xử lý nợ; Ông Nguyễn Quốc B – Nhân viên xử lý nợ; (*Ông Nguyễn Văn Đ, ông Vũ Đăng K vắng mặt, ông Nguyễn Quốc B có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, TP .;

- Bị đơn: 1. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1973; (*Vắng mặt*)

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã S, TP .;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Ngân hàng, V1) trình bày:

Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T vay tiền của V1 theo các Hợp đồng cho vay/vấn bản tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021

- + Số tiền vay: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).
- + Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân.
- + Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.
- + Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định 12 tháng. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/07/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2022, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm (+) biên độ 3%/năm..

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

2. Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020.

- + Số tiền vay: 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng)
- + Thời hạn vay: 48 tháng
- + Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng và mua bảo hiểm
- + Lãi suất vay: 27%/năm
- + Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

3. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021

- + Số tiền vay: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng)
- + Thời hạn vay: 37 tháng
- + Mục đích vay: Vay tiêu dùng
- + Lãi suất: 20%/năm
- + Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

4. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021.

+ Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

+ Lãi suất: 37%/năm

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T đã trả được tổng số tiền là 603.785.794 đồng; trong đó trả nợ gốc là 293.471.891 đồng và trả nợ lãi là 310.313.903 đồng. Cụ thể:

Hợp đồng	Trả nợ gốc	Trả lãi phạt	Tổng cộng
LN2106233911503	85.497.077	88.757.857	174.254.934
LN20042923369183	167.513.585	195.089.618	362.603.203
Giấy đăng ký ngày 12/07/2021	40.461.229	26.466.428	66.927.657
Tổng cộng	293.471.891	310.313.903	603.785.794

Ông N, bà T đã vi phạm Hợp đồng từ ngày 04/08/2022 và bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 16/04/2024, Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T còn nợ V1 số tiền là:

- Nợ gốc: 1.216.519.578 đồng;

- Nợ lãi: 510.781.493 đồng;

- Phạt chậm trả: 65.500.710 đồng;

- Tổng cộng: **1.792.801.781 đồng**

(*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng*).

Cụ thể từng Hợp đồng:

Hợp đồng	Nợ gốc	Nợ lãi	Phạt chậm trả	Tổng cộng
LN2106233911503	814.502.923	247.778.711	26.332.915	1.088.614.549
LN20042923369183	252.486.415	196.872.014	31.579.821	480.938.250
Giấy đăng ký ngày 12/07/2021	140.000.000	50.616.753	7.587.974	198.204.727
Thẻ tín dụng	9.530.240	15.514.015		25.044.255
Tổng cộng	1.216.519.578	510.781.493	65.500.710	1.792.801.781

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông N và bà T có thể chấp các tài sản:

1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ xã V, huyện P, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 129162 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/07/2015 đứng tên ông Bùi Văn N theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2896, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/07/2021 tại Văn phòng C, thành phố Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô tải hiệu Chiến Thắng mang BKS: 29C-845.66 đứng tên chủ xe là ông Bùi Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 375851 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 03/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp số: 12833413 ngày 03/4/2017 ký giữa bên thế chấp là ông Bùi Văn N1 và bà Nguyễn Thị T với V1. Ngày 16/01/2024, V1 có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chiến Thắng trên.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 3 Hợp đồng thế chấp số công chứng 2896, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/07/2021 tại Văn phòng C nêu rõ: “Tài sản thế Chấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Đảm đối với Bên Ngân hàng Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L1, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có) của các Văn Kiện Tín Dụng này) được xác lập, ký kết giữa Bên Được Bảo Đảm với Bên Ngân hàng Hàng và bên liên quan khác (nếu có) trước trong và sau ngày ký kết Hợp Đồng này”.

Như vậy Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ xã V, huyện P, thành phố Hà Nội là tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với cả 04 Hợp đồng tín dụng/ Văn kiện tín dụng nêu trên.

Do vậy, V1 yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ cho V1 tổng số tiền là 1.727.301.071 đồng (tạm tính đến ngày 16/4/2024). Số tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc tiếp tục được tính đến ngày ông N, bà T thực tế trả hết nợ cho ngân hàng V1.

Trường hợp ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm như đã nêu. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

4. Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho ông N và bà T. Tại Bản tự khai đề ngày 09/01/2024, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Bùi Văn N là vợ chồng. Trong năm 2021, vợ chồng ông bà có vay Ngân hàng Cổ phần V một số lần với tổng số tiền vay là 1.480.000.000 đồng với lãi xuất thỏa thuận. Sau khi vay, ông bà đã trả được số tiền 603.785.794 đồng trong đó có 293.471.891 đồng nợ gốc và 310.313.903 đồng nợ lãi. Sau đó do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, điều kiện kinh tế gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ nên gia đình không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông bà yêu cầu trả nợ gốc và lãi còn lại, vợ chồng ông bà đồng ý trả nợ, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị Ngân hàng giảm lãi, giảm phạt và giảm gốc để tạo điều kiện cho gia đình ông bà có điều kiện thanh lý toàn bộ hợp đồng. Quá trình vay ông bà có thế chấp thửa đất số 27A, tờ bản đồ số 3C tại cụm C xã V, huyện P, TP, Hà Nội và ông bà có ký các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Nếu không trả được nợ, bà T đồng ý phát mại tài sản theo quy định nhưng đề nghị ưu tiên cho gia đình bà được mua lại tài sản.

Hiện chồng bà là ông N đang đi làm xa, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng vẫn liên lạc về gia đình. Ông N cũng có quan điểm về việc vay nợ Ngân hàng như trên, bà T nhận thay các văn bản tố tụng và sẽ thông báo lại cho ông N. Ngoài ra vì lý do công việc bận nên bà T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm theo đơn yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25 tháng 01 năm 2024 thể hiện:

Thửa đất số 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ: Cụm C, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 383 m², loại đất ở tại nông thôn diện tích 360m², loại đất trồng cây lâu năm diện tích 23m². Đất ở sử dụng lâu dài, đất trồng cây lâu năm sử dụng đến 15/10/2063. Nguồn gốc đất: Đất được tặng cho, thừa kế được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền quyền sử dụng đất, thửa đất được tách ra từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 3C được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A416583 ngày 24/12/1991. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 129162; số vào sổ cấp GCN: CS-PT 00174 do Sở T cấp ngày 30/7/2015 đứng tên ông Bùi Văn N. Trên đất có một số tài sản là:

- 01 nhà cấp 4, 03 gian, tường xây gạch chỉ, khung tre gỗ lợp ngói đỏ, xây tường 20, xây dựng khoảng năm 2013, nền lát gạch đỏ;
- 01 cây hương bằng bê tông;
- 01 cổng sắt;
- 01 sân gạch;
- 01 tường bao cạnh thửa đất;
- 01 bán mái tôn, nền láng xi măng, khung sắt phía sau nhà;

Ngoài ra còn một số cây như cau, na, bưởi.

Trên đất hiện không có ai sinh sống, thuê mướn, nhà trên đất là nơi thờ cúng của gia đình. Bà T trình bày: Từ thời điểm thế chấp đến nay hiện trạng thửa đất và công trình trên đất không thay đổi.

Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do bị đơn không có mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về tiền phạt chậm trả tạm tính đến ngày 16/4/2024 là 65.500.710 đồng, còn lại vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải trả cho V1 số tiền: 1.727.301.071 đồng (**gồm nợ gốc: 1.216.519.578 đồng , nợ lãi: 510.781.493 đồng** theo Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021 kể từ ngày 16/04/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng.

Trong năm 2021, ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) các hợp đồng vay tiền theo :

- Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021;

- Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020;

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021;

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021.

Với mục đích vay: Mua sắm, tiêu dùng. Nay V1 khởi kiện ông N và bà T tại Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây yêu cầu buộc ông N và bà T trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm theo hợp đồng, giấy đăng ký vay vốn trên. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Xét thấy ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, thị xã S, TP . nên Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015.

Ngày 11/3/2024 Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ấn định thời gian xét xử vào ngày 28/3/2024 và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Do bị đơn là ông Bùi Văn N vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã căn cứ Điều 227 BLTTDS quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/4/2024 và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Ngày 16/4/2024 Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây mở phiên tòa, ông Bùi Văn N vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị T có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của V1 với số tiền gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay vốn:

Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T vay tiền của V1 theo các Hợp đồng cho vay/vấn bản tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021

+ Số tiền vay: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

+ Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân.

+ Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.

+ Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định 12 tháng. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/07/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2022, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm (+) biên độ 3%/năm..

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

2. Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020.

+ Số tiền vay: 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng)

+ Thời hạn vay: 48 tháng

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng và mua bảo hiểm

+ Lãi suất vay: 27%/năm

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

3. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021

+ Số tiền vay: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng)

+ Thời hạn vay: 37 tháng

+ Mục đích vay: Vay tiêu dùng

+ Lãi suất: 20%/năm

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

4. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021.

+ Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

+ Lãi suất: 37%/năm

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T đã trả được tổng số tiền là 603.785.794 đồng; trong đó trả nợ gốc là 293.471.891 đồng và trả nợ lãi là 310.313.903 đồng. Cụ thể:

Hợp đồng	Trả nợ gốc	Trả lãi phạt	Tổng cộng
----------	------------	--------------	-----------

LN2106233911503	85.497.077	88.757.857	174.254.934
LN20042923369183	167.513.585	195.089.618	362.603.203
Giấy đăng ký ngày 12/07/2021	40.461.229	26.466.428	66.927.657
Tổng cộng	293.471.891	310.313.903	603.785.794

Ông N, bà T đã vi phạm Hợp đồng từ ngày 04/08/2022 và bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 16/04/2024, Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T còn nợ V1 số tiền là:

- Nợ gốc: 1.216.519.578 đồng;
- Nợ lãi: 510.781.493 đồng;
- Tổng cộng: **1.727.301.071 đồng**

Cụ thể từng Hợp đồng:

Hợp đồng	Nợ gốc	Nợ lãi	Tổng cộng
LN2106233911503	814.502.923	247.778.711	1,062,281,634
LN20042923369183	252.486.415	196.872.014	190,616,753
Giấy đăng ký ngày 12/07/2021	140.000.000	50.616.753	449,358,429
Thẻ tín dụng	9.530.240	15.514.015	25.044.255
Tổng cộng	1.216.519.578	510.781.493	1.727.301.071

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho V1 toàn bộ số nợ gốc và lãi trên. Kể từ ngày 16/4/2024, ông N và bà T còn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho V1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn N không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn là bà Nguyễn Thị T xác nhận bà và ông N có ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tại ngân hàng đối với các khoản vay trên, bà T có trình bày về hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Ngân hàng giảm lãi, giảm phạt, giảm gốc để tạo điều kiện cho ông bà giải quyết dứt điểm hợp đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực

hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Việc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi và tiền phạt vi phạm hợp đồng tạm tính đến hết ngày 16/4/2024 và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cũng như với các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Do đại diện nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về số tiền phạt chậm trả tạm tính đến ngày 16/4/2024 là 65.500.710 đồng nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền phạt chậm trả của Ngân hàng.

[3] Với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng, ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp tài sản bảo đảm là:

1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ xã V, huyện P, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 129162 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/07/2015 đứng tên ông Bùi Văn N theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2896, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/07/2021 tại Văn phòng C, thành phố Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô tải hiệu Chiến Thắng mang BKS: 29C-845.66 đứng tên chủ xe là ông Bùi Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 375851 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 03/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp số: 12833413 ngày 03/4/2017 ký giữa bên thế chấp là ông Bùi Văn N1 và bà Nguyễn Thị T với V1.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích được thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Do vậy yêu cầu về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án hoặc Văn phòng thừa phát lại tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất tại Thửa đất 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ xã V, huyện P, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 129162 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/07/2015 đứng tên ông Bùi Văn N để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp thuận.

Do Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với chiếc xe ô tô tải hiệu Chiến Thắng mang BKS: 29C-845.66 đứng tên chủ xe là ông Bùi Văn N nên HĐXX đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm với chiếc xe trên.

[5] Về án phí: Do các yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 65.784.053 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Thịnh vượng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Sơn Tây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 327, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 259, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) với ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 16/4/2023 là: 1.727.301.071 (*Một tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm bảy mươi một*) đồng, bao gồm:

Nợ gốc: 1.216.519.578 (*Một tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm mười chín nghìn năm trăm bảy mươi tám*) đồng;

Nợ lãi : 510.781.493 (*Năm trăm mười triệu bảy trăm tám mươi một nghìn bốn trăm chín mươi ba*) đồng;

Theo Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021, cụ thể như sau:

Hợp đồng	Nợ gốc	Nợ lãi	Tổng cộng
LN2106233911503	814.502.923	247.778.711	1.088.614.549
LN20042923369183	252.486.415	196.872.014	480.938.250
Giấy đăng ký ngày 12/07/2021	140.000.000	50.616.753	198.204.727
Thẻ tín dụng	9.530.240	15.514.015	25.044.255
Tổng cộng	1.216.519.578	510.781.493	1,727,301,071

Buộc ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T kể từ ngày 17/4/2024 tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Đình chỉ việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T trả tiền phạt chậm trả theo các Hợp đồng cho vay số LN2106233911503 ký ngày 02/07/2021, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 20042923369183 ngày 29/04/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12/07/2021.

Đình chỉ việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 01(Một) xe ô tô tải hiệu Chiến Thắng mang BKS: 29C-845.66 đứng tên chủ xe là ông Bùi Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 375851 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 03/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp số: 12833413 ngày 03/4/2017 ký giữa bên thế chấp là ông Bùi Văn N1 và bà Nguyễn Thị T với V1.

3. Nếu ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất 27a, tờ bản đồ số 3C, tại địa chỉ xã V, huyện P, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 129162 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/07/2015 đứng tên ông Bùi Văn N theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2896, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/07/2021 tại Văn phòng C, thành phố Hà Nội

Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm thì những người đang cư trú, cùng quản lý, sử dụng, thuê mượn trên các thửa đất trên cùng phải chuyển đi để thi hành án.

Trong trường hợp tài sản phát mại không đủ trả nợ khoản vay thì ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cho đến khi trả hết nợ.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. *Về án phí:* Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.819.032 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm mười chín nghìn, không trăm ba mươi hai*) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Thịnh vượng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.000.000 (*Ba mươi một triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000823 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Sơn Tây.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường